TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2026
V/v chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Quang và ông Phan Thanh Mạnh.
- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2025/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Đình T, sinh ngày 21/07/1954; số căn cước: 030054xxx; địa chỉ: Thôn M, xã T3, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị T1, sinh ngày 05/02/1982; số căn cước: 022182xxx; địa chỉ: xx, phường N, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/05/1954; số căn cước: 030154xxx; địa chỉ: Thôn H, xã T3, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Phúc L1, sinh ngày 13/02/1961; số căn cước: 022161xxx; địa chỉ: Thôn M, xã T3, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà L1: Ông Phạm Đình T, sinh ngày 21/07/1954; số căn cước: 030054xxx; địa chỉ: Thôn M, xã T3, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (ông Phạm Đình T) trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào năm 1972 tại UBND xã Quang Minh, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông đi bộ đội, cuối năm 1975 ông phục viên về quê sống cùng bà L và bố mẹ ông. Ông và bà L sinh con đầu lòng là anh Phạm Đình G (tên thường gọi là T4) vào năm 1976, đến

năm 1980 thì sinh con thứ hai là Phạm Thị L3. Trong thời gian từ năm 1976 – 1980, ông đều đi làm xa, khi đang có bầu con thứ hai thì bà L ở nhà có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, ông đã bắt được hai người quan hệ trong phòng ngủ của vợ chồng, chính vì vậy gia đình ông đã không thể chấp nhận và đã đuổi bà L ra khỏi nhà. Từ năm 1980 đến nay, ông và bà L đã chia tay nhau, không còn liên quan đến nhau, tài sản của ai người đó quản lý. Ông đã ra tỉnh Quảng Ninh làm ăn, sinh sống và quen biết bà Đinh Phúc L1 từ năm 1980. Ông đã chung sống với bà L1 từ năm 1981 đến nay và có 03 con chung với bà L1 gồm: Phạm Thị T1 sinh năm 1982, Phạm Đình T5 sinh năm 1985 và Phạm Thị Thanh H2 sinh năm 1995. Năm 2003, ông và bà L1 đã bán nhà đất ở Quảng Ninh được 120 triệu đồng để về mua đất làm nhà tại quê. Năm 2004, ông trúng đấu giá 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; tại xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nay là thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng với giá trúng đấu giá là 25 triệu đồng/thửa, tổng hết 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tại thời điểm đó, do ông chưa đăng ký kết hôn với bà L1 nên các thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông. Đến cuối năm 2009, ông và bà L1 xây một ngôi nhà 05 tầng 01 tum, hoàn thiện vào năm 2010 trên cả 04 thửa đất này để ở, tổng chi phí xây nhà khoảng 01 tỷ đồng là tiền do ông cùng bà L1 tích góp và vay mượn ngân hàng.

Đến năm 2012, ông mới làm thủ tục ly hôn với bà L tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2012/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2012; khi đó ông bà đã xác định ông và bà L không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Sau khi ly hôn với bà L, ông đăng ký kết hôn với bà L1 vào ngày 11/10/2012.

Ông xác định 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; địa chỉ: Thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng và nhà trên đất cùng các tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của ông và bà L1; bà L hoàn toàn không có đóng góp gì vào vào khối tài sản này.

Nay, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày: Về nội dung bà và ông T kết hôn và chung sống với nhau đến năm 1980 như ông T trình bày là đúng. Bà và ông T có hai con là anh Phạm Đình G (tên gọi khác là T4) sinh năm 1976 và chị Phạm Thị L3 sinh năm 1980. Năm 1980, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông bà chia tay nhau nhưng không làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Từ đó đến nay ông bà không chung sống với nhau nữa, tài sản của ai người đó quản lý sử dụng không liên quan đến nhau. Khi chia tay ông T vào năm 1980, bà ra đi không mang theo tài sản gì; các tài sản của vợ chồng, ông T sử dụng hết gồm nhà tre lợp dạ xây trên đất của bố mẹ ông T, 01 chiếc xe đạp Thống Nhất, 02 đôi hoa tai = 04 chỉ vàng, 01 đôi lợn và thóc. Bà xác định ông T bán các tài này để đi ra Quảng Ninh làm ăn nên hiện tại ông bà không còn tài sản chung gì với nhau. Năm 1980 khi

chia tay bà, ông T ra Quảng Ninh chung sống ăn ở và có con với bà Đinh Phúc L1, nay đã có 03 con chung với bà L1 gồm chị Phạm Thị T1 sinh năm 1982, Phạm Đình T5 sinh năm 1985 và Phạm Thị Thanh H2 sinh năm 1995.

Đến năm 1991, bà chung sống với ông Hồ Đình H3 và có 01 con chung với ông H3 là Hồ Đình T6 sinh năm 1993.

Đến năm 2012, bà và ông T mới làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2012/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2012 nhưng ông bà không giải quyết về tài sản chung. Sau khi ly hôn với ông T thì bà mới đăng ký kết hôn với ông Hồ Đình H3 vào ngày 16/12/2014.

Nay, ông T khởi kiện xác định 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; địa chỉ: Thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của ông T và bà L1; bà xác định 04 thửa đất này mang tên ông T và ngôi nhà trên 04 thửa đất này có một phần tiền của bà đóng góp do ông T bán các tài sản chung của bà với ông T chưa chia tại thời điểm năm 1980. Bà yêu cầu ông T phải trả bà 02 đôi hoa tai = 04 chỉ vàng và chia giá trị 01 chiếc xe đạp Thống Nhất, 01 đôi lợn nhỡ và thóc, nhà đất, bà không xác định được cụ thể số lượng, giá trị tài sản và không có tài liệu nào để chứng minh cho nội dung này nộp cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Đinh Phúc L1 trình bày: Bà và ông T quen biết nhau từ năm 1980 tại Cẩm Phả, Quảng Ninh. Bà biết ông T đã ly thân bà L nên ông bà chung sống với nhau từ năm 1981, khi đó bà và ông T chưa đăng ký kết hôn do ông T chưa ly hôn xong với bà L. Đến nay bà và ông T có 03 con chung gồm: Phạm Thị T1 sinh năm 1982, Phạm Đình T5 sinh năm 1985 và Phạm Thị Thanh H2 sinh năm 1995. Bà được biết bà L có chung sống với ông T7 và cũng có 01 con gái chung với ông T7 tên là B khoảng sinh năm 1983. Sau đó chị B mất, đến năm 1991, bà L chung sống với ông Hồ Đình H3 và có con với ông H3 là Hồ Đình T6 sinh năm 1993. Khoảng năm 1991, ông T đưa bà và hai con T1, T5 về quê xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương sống và ở tại nhà bố mẹ đẻ của ông T tại thôn H, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đến năm 1995 thì bà sinh cháu H3. Trong quá trình chung sống, bà làm kinh doanh buôn bán hải sản từ Quảng Ninh về Hải Dương, ông T làm nghề lái xe nên bà và ông T có xây dựng được khối tài sản chung. Bà cũng được bố mẹ đẻ bà cho 01 thửa đất từ năm 1981 diện tích khoảng 100 m^2 tại mặt đường 18 cũ, bà và ông T có xây một ngôi nhà cấp 04 ba gian, lợp ngói. Đến khoảng năm 2003, bà và ông T bán nhà đất ở Quảng Ninh được 120 triệu đồng để về mua đất tại quê ông T. Hiện tại bố mẹ đẻ của bà đã chết.

Năm 2004, bà và ông T trúng đấu giá 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; tại xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, nay là thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng với giá trúng đấu giá là 25 triệu đồng/thửa, tổng hết 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tại thời điểm đó, các thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ hộ là ông T.

Đến cuối năm 2009, bà và ông T xây một ngôi nhà 05 tầng 01 tum hoàn thiện vào năm 2010 trên cả 04 thửa đất này để ở, tổng chi phí xây nhà khoảng 01 tỷ đồng là tiền do vợ chồng bà tích góp và vay mượn ngân hàng 500 triệu đồng. Đến năm 2015, ông bà sử dụng ngôi nhà này để kinh doanh nhà nghỉ cho đến nay.

Nay, ông T khởi kiện xác định 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; địa chỉ: Thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng là tài sản của ông T và bà; bà xác định 04 thửa đất này và ngôi nhà trên 04 thửa đất này là tài sản chung của bà và ông T. Bà hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T, do tuổi cao, có bệnh nên bà ủy quyền cho ông T toàn quyền quyết định.

Theo địa phương, UBND xã T3, thành phố Hải Phòng cung cấp: Ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L là người địa phương, về chung sống với nhau từ những năm 1975-1976, ông bà có thực hiện đăng ký kết hôn với nhau hay không, địa phương không nắm được. Ông bà có hai người con chung là Phạm Thị L3 và Phạm Đình G (tên gọi khác: T4). Năm 1980, ông T bắt gặp bà L ngoại tình, ông T đã bỏ ra Quảng Ninh làm ăn, không về chung sống với bà L nữa. Sau đó, ông T ăn ở với bà Đinh Phúc L1 tại Quảng Ninh còn bà L ăn ở, chung sống với ông Hồ Đình H3. Giữa ông T và bà L1 có 03 người con chung là Phạm Thị T1 sinh năm 1982, Phạm Đình T5 sinh năm 1985 và Phạm Thị Thanh H2 sinh năm 1995. Giữa bà L và ông H3 có 01 người con chung là Hồ Đình T6 sinh năm 1993. Năm 2012, ông T và bà L mới làm thủ tục ly hôn. Sau khi ông bà giải quyết ly hôn thì năm 2012 ông T mới đăng ký kết hôn với bà L1 và năm 2014 bà L mới đăng ký kết hôn với ông H3.

Theo địa phương, UBND xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng cung cấp: Từ khi sáp nhập xã đến nay, địa phương chưa nhận được đơn thư liên quan đến tranh chấp đất đai các thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02 xã Thanh Miện mang tên ông Phạm Đình T. Các thửa đất này được cấp theo hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Sơ đồ hiện trạng kèm theo xác định: Hiện trạng thửa đất có tổng diện tích: 380,3 m^2. Có cạnh phía Nam giáp đường bê tông có chiều dài 18,1 m; phía Bắc giáp rãnh nước có chiều dài 18,2 m; phía Tây có chiều dài 20,7 m; phía Đông có chiều dài 21,2 m. Trên đất có 01 nhà xây 05 tầng 01 tum kiên cố xây năm 2009, hoàn thiện năm 2010; nhà bê tông cốt thép, xây gạch chỉ, tường 220, móng nhà được khoan nhồi, đóng cọc tre. Sân lát gạch đỏ 40 x 40, diện tích 137,3 m^2; tường bao cao 2,2 m, trên tường có hàng rào Inox. 02 trụ cổng cao 3,7 m, kích thước 0,5 x 0,5 (m); 02 cánh cổng bằng Inox kích thước 1,85 x 2 x 3,7 (m). Chòi bảo vệ 16 m^2 xây năm 2010, lợp mái tôn. Nhà vệ sinh bên ngoài giáp nhà chính xây năm 2010, gạch pa vanh tường 10, có bể nước ở trên diện tích 4,3 m^2. Lán tôn có diện tích 17,6 + 12,3 + 12,5 + 41,5 (m^2), cửa xếp sắt có lá tôn 8,88 m^2. Cây cối gồm có: 01 cây mít đường kính gốc 30 cm, 01 cây mít đường kính gốc 12 cm, 03 cây cau có chiều cao trên 2,5 m, 01 cây bưởi đường kính thân 13 cm, 01 cây xoài đường kính

thân 20 cm, 01 cây sanh đường kính thân 40 cm; 01 cây vối có đường kính thân 11 cm (trong chậu).

Tại Biên bản định giá tài sản và Tổng hợp kết quả định giá tài sản, Hội đồng định giá xác định: Giá trị quyền sử dụng đất: Vị trí 2, đường Quốc lộ 38B có giá là 10.000.000 đồng/1m^2 (mười triệu đồng trên một mét vuông). Tổng giá trị tài sản công trình, cây cối nằm trên đất là 1.280.496.000 đồng (một tỷ, hai trăm tám mươi triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn xác định bà có đóng góp vào tài sản 04 thửa đất do ông T bán tài sản của bà với ông T nên bà đề nghị ông T bồi thường cho bà nhưng bà không đưa ra được giá trị bồi thường là bao nhiêu và không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 205 Bộ luật Dân sự; Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình T về việc chia tài sản sau khi ly hôn. Xác định Quyền sử dụng các thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c đều thuộc tờ bản đồ số 02, đều có diện tích là 93m^2/thửa ở địa chỉ: Thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 999143, 999144, 999145, 999146 ngày 28/6/2004 do Chủ tịch UBND huyện Thanh Miện (cũ) mang tên ông Phạm Đình T là tài sản riêng của ông Phạm Đình T. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Theo quy định pháp luật. Về án phí: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Phạm Đình T khởi kiện về việc chi tài sản sau khi ly hôn bị đơn bà Nguyễn Thị L, trú tại Thôn M, xã T3, thành phố Hải Phòng, Toà án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án.

[2] Về tài sản chung: Ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L đều xác định

ông bà kết hôn với nhau vào năm 1972 tại UBND xã Quang Minh, huyện Tứ Lộc, tỉnh Hải Hưng. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông T đi bộ đội, cuối năm 1975 ông T phục viên về quê sống cùng bà L. Đến năm 1976, ông bà sinh con đầu lòng là anh Phạm Đình G (tên thường gọi là T4), đến năm 1980 thì sinh con thứ hai là Phạm Thị L3. Ông bà chia tay, không chung sống cùng nhau từ năm 1980, tài sản của ai người đó quản lý không liên quan đến nhau. Ông T đã ra tỉnh Quảng Ninh làm ăn, sinh sống và quen biết bà Đinh Phúc L1; đã chung sống với bà L1 từ năm 1981 đến nay, ông và bà L1 đã có 03 con chung gồm: Phạm Thị T1 sinh năm 1982, Phạm Đình T5 sinh năm 1985 và Phạm Thị Thanh H2 sinh năm 1995. Bà L chung sống với ông Hồ Đình H3 từ năm 1991 và có con chung với ông H3 là Hồ Đình T6 sinh năm 1993. Ông bà đều xác định trong thời gian chung sống với nhau từ năm 1972 đến năm 1980, ông T có mua cho bà L 01 đôi hoa tai, khi gia đình đuổi bà L đi thì có tháo lấy lại đôi hoa tai trên tai bà L; 01 chiếc xe đạp Thống Nhất của ông T, một nhà tre vách đất xây trên đất của bố mẹ ông T; khi bà L đi thì còn 01 đôi lợn con và ít thóc. Ông T xác định sau đó ông cũng đi ra Quảng Ninh làm ăn, số tài sản này ông không mang theo đi mà do bố mẹ ông quản lý và giúp ông nuôi con là anh Giáp. Bà L xác định khi chia tay ông T vào năm 1980, bà ra đi không mang theo tài sản gì; các tài sản của vợ chồng, ông T sử dụng hết gồm nhà tre lợp dạ xây trên đất của bố mẹ ông T, 01 chiếc xe đạp Thống Nhất, 02 đôi hoa tai = 04 chỉ vàng, 01 đôi lợn và thóc. Bà xác định ông T bán các tài này để đi ra Quảng Ninh làm ăn nên hiện tại ông bà không còn tài sản chung gì với nhau. Đến năm 2012, ông T và bà L mới làm thủ tục ly hôn và đã được Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2012/QĐST-HNGĐ ngày 28/03/2012. Như vậy, thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà L được tính từ thời điểm ông bà kết hôn năm 1972 đến ngày 28/03/2012. Tuy nhiên, tại thời điểm chấm dứt hôn nhân ngày 28/03/2012 và các tài liệu như Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị L ngày 16/3/2012, Biên bản hòa giải ngày 20/3/2012, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/3/2012 đều xác định ông T và bà L không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ ông bà, ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, có cơ sở xác định ông T và bà L không có tài sản chung.

[3] Đối với tài sản là quyền sử dụng 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; địa chỉ: Thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng và các tài sản gắn liền với đất. Ông T và bà Đinh Phúc L1 xác định đây là tài sản chung của ông T và bà L1; ông bà xác định năm 1981, ông bà được bố mẹ đẻ của bà L1 cho 01 thửa đất diện tích khoảng 100 m^2 tại mặt đường quốc lộ 18; ông bà có xây một ngôi nhà cấp 04 ba gian, lợp ngói và ở đó gần nhà đẻ của bà L1; năm 2003, ông T và bà L1 đã bán nhà đất ở Quảng Ninh được 120 triệu đồng để về quê ông T mua đất làm nhà; năm 2004, ông bà trúng đấu giá 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; tại xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nay là thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng với giá trúng đấu giá là 25 triệu đồng/thửa, tổng hết 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tại thời điểm đó,

do ông T và bà L chưa làm thủ tục ly hôn, ông T chưa đăng ký kết hôn với bà L1 được nên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T. Bà L xác định 04 thửa đất này mang tên ông T và ngôi nhà trên 04 thửa đất này có một phần tiền của bà đóng góp do ông T bán các tài sản chung của bà với ông T chưa chia tại thời điểm năm 1980; bà yêu cầu ông T phải trả bà 02 đôi hoa tai = 04 chỉ vàng và chia giá trị 01 chiếc xe đạp Thống Nhất, 01 đôi lợn nhỡ và thóc, nhà đất, bà không xác định được cụ thể số lượng, giá trị tài sản và không có tài liệu nào để chứng minh cho nội dung này nộp cho Tòa án. Tại phiên hòa giải ngày 02/6/2026, ông T xác định tại thời điểm năm 1980, ông không biết đến các tài sản như bà L trình bày nhưng ông tự nguyện hỗ trợ bà L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng bà L không đồng ý mà đề nghị ông T hỗ trợ bà 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) + 04 chỉ vàng = 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), tổng là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Như vậy, HĐXX có cơ sở kết luận quyền sử dụng 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; địa chỉ: Thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng và các tài sản gắn liền với đất mang tên ông T mặc dù được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà L nhưng đây là không phải là tài sản chung vợ chồng giữa ông T và bà L mà là tài sản chung của ông T và bà L1 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân thực tế giữa ông T và bà L1. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quyền sử dụng 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; địa chỉ: Thôn Triệu Thái, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng và các tài sản gắn liền với đất này là tài sản chung giữa ông T và bà L1 là phù hợp với khoản 3 Điều 33 và khoản 4 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 8.900.000 đồng, nguyên đơn đã nộp đủ và tự nguyện chịu cả chi phí này nên HĐXX không đặt ra giải quyết là phù hợp với khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Các đương sự đều là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án; khoản 3 Điều 33 và khoản 4 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản sau khi ly hôn, xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị L không có tài sản chung.

Xác định quyền sử dụng 04 thửa đất số 304, 304a, 304b, 304c, tờ bản đồ số 02, diện tích 93 m^2/thửa; tại xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (nay là xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng) đều đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/6/2004, mang tên Phạm Đình T và các tài sản gắn liền với đất là tài sản chung vợ chồng giữa ông Phạm Đình T và bà Đinh Phúc L1.

2. Về án phí: Miễn án phí chia tài sản sau khi ly hôn cho các đương sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (thông qua Phòng THADS khu vực 11);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Đình Thi